|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****TỈNH HÀ TĨNH**  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 11 năm 2017* |

**BÁO CÁO**

**Tóm tắt các Đề án, Tờ trình dự kiến trình HĐND tỉnh**

**ban hành Nghị quyết chuyên đề tại Kỳ họp cuối năm 2017**

*(Tài liệu phục vụ tiếp xúc Cử tri)*

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-HĐND ngày 06/11/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về chuẩn bị kỳ họp thứ 5 - HĐND tỉnh khoá XVII; UBND tỉnh báo cáo tóm tắt các Đề án, Tờ trình dự kiến trình ban hành Nghị quyết chuyên đề tại kỳ họp thứ 5 - HĐND tỉnh khoá XVII như sau:

**I. Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020**

**1. Sự cần thiết và mục đích ban hành Nghị quyết**

Sau khi Luật Hợp tác xã 2012 có hiệu lực (kể từ ngày 01/7/2013), Tỉnh đã chỉ đạo rà soát, phân loại hoạt động của các hợp tác xã (HTX) để củng cố lại hoạt động và chuyển đổi theo Luật HTX. Kết quả rà soát cho thấy chỉ có 25,7% số HTX hoạt động có hiệu quả, đóng góp của HTX vào phát triển KTXH của tỉnh còn hạn chế; năng lực quản trị của bộ máy quản lý HTX thấp, thiếu cán bộ chuyên môn, kỹ thuật; khả năng tiếp cận vốn, đât đai thấp; trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng xuất lao động thấp, chất lượng sản phẩm không cao, chưa xây dựng được nhiều chuỗi liên kết.

Từ khi Nghị quyết số 122/2010/NQ-HĐND ngày 30/7/2010 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển kinh tế tập thể Hà Tĩnh giai đoạn 2010 – 2015 hết hiệu lực đến nay chưa có chính sách riêng đối với khu vực KTTT. Do vậy cần ban hành Đề án Phát triển kinh tế tập thể Hà Tĩnh đến 2020 nhằm đưa ra giải pháp và cơ chế chính sách đồng bộ để khuyến khích sự phát triển của khu vực KTTT.

**2. Mục tiêu**

- Từ nay đến năm 2020 thành lập mới 02 liên hiệp HTX. Đến năm 2020 toàn tỉnh có 06 liên hiệp HTX.

- Đến năm 2020 toàn tỉnh có gần 4.000 THT và trên 1.500 HTX, trong đó: Nông nghiệp: 56,8%; công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: 7,4%; xây dựng, vận tải: 3,6%; thương mại dịch vụ tổng hợp, quản lý chợ: 17,5%; môi trường: 12,1% và quỹ tín dụng nhân dân: 2,6%.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX qua đào tạo có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng đạt trên 15%; sơ cấp, trung cấp đạt trên 40%.

- Thu nhập bình quân của thành viên và người lao động trong các HTX đến năm 2020 tăng từ 1,2 đến 1,5 lần so với năm 2017.

**3. Nhiệm vụ**

*- Đối với các HTX hiện có:* Củng cố, tổ chức lại hoạt động HTX hiện có sau chuyển đổi thực hiện đúng quy định của Luật HTX năm 2012. Những HTX không thực hiện chuyển đổi được theo Luật Hợp tác xã 2012, những HTX yếu kém, ngừng hoạt động kéo dài, thực hiện giải thể, vận động chuyển sang các loại hình khác.

*- Thành lập mới các HTX:* Tư vấn, hỗ trợ các HTX về thị trường, xây dựng điều lệ, phương án SXKD; tuyên truyền, vận động và hỗ trợ thành lập mới các HTX trong nhiều lĩnh vực.

**5. Giải pháp**

**-** Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển nhằm hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là vùng nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho KTTT, HTX phát triển.

**-** Tăng cường, đổi mới hình thức tuyên truyền.

**-** Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với kinh tế tập thể. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng các cấp đối với công tác phát triển HTX; đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước.

- Xây dựng mô hình hợp tác xã và tổng kết mô hình.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp: Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các HTX.

- Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên minh hợp tác xã tỉnh.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội.

**II. Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**:

Áp dụng cho các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan.

**2. Nguyên tắc phân bổ:**

- Tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

- Nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, biên giới, bãi ngang ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Việc phân bổ vốn được cân đối trong giai đoạn 05 năm (2016-2020), đảm bảo công bằng giữa các đơn vị được thụ hưởng Chương trình; Thực hiện lồng ghép hai Chương trình mục tiêu quốc gia: giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

**3. Tiêu chí phân bổ vốn:**

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.

- Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.

- Tiêu chí diện tích đất tự nhiên.

- Tiêu chí về đơn vị hành chính và các huyện có xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi, bãi ngang ven biển.

**4. Việc xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng dự án:**

Thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên cơ sở quy định của Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; và tình hình thực tế của tỉnh.

Các dự án thành phần, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh:

- Dự án 1: Chương trình 30a

Các tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Tiểu dự án 2), Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Tiểu dự án 3), Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiểu dự án 4).

- Dự án 2: Chương trình 135

Các tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 1), Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 2), Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, thôn bản đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 3).

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

- Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

- Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

**5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững:**

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, ngân sách địa phương đảm bảo bố trí vốn mức độ tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững để thực hiện Chương trình, trong đó: ngân sách tỉnh đối ứng 70%, ngân sách huyện đối ứng 20%, ngân sách xã đối ứng 10%

 **III. Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu hội nghị.**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trong nước của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị).

 **2. Nội dung:**

 *2.1. Đối với chế độ Công tác phí:*

- Thanh toán tiền chi phí đi lại, bao gồm: Thanh toán theo hóa đơn thực tế; thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác.

- Phụ cấp lưu trú.

- Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác.

- Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng.

 *2.2. Đối với chế độ chi hội nghị:*

-Chi thuê hội trường trong những ngày tổ chức hội nghị (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự); thuê máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ hội nghị.

- Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ hội nghị; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị.

- Chi thù lao và các khoản công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên đối với hội nghị tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị.

- Tiền thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu.

- Chi giải khát giữa giờ.

- Chi hỗ trợ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại.

- Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị được chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp.

- Các khoản chi khác: Chi làm thêm giờ, mua thuốc chữa bệnh thông thường, trang trí hội trường và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hội nghị.

- Đối với khoản chi khen thưởng thi đua trong cuộc họp tổng kết hàng năm, chi cho công tác tuyên truyền không được tính trong kinh phí tổ chức hội nghị, mà phải tính vào khoản chi khen thưởng, chi tuyên truyền của cơ quan, đơn vị.

 **IV. Nghị quyết quy định tỷ lệ % phân chia nguồn thu tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông; tỷ lệ % phân chia nguồn thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng.**

 *1. Bổ sung quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng giữa các cấp ngân sách quy định tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh:*

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp NSĐP được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiểu mục quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính, thì: áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách theo quy định tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh.

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp NSĐP được hưởng nhưng không được hạch toán riêng từng khoản thu, thực hiện phân chia như sau: Số thu tiền chậm nộp từ người nộp gắn với cấp nào quản lý thu thì phân chia cho ngân sách cấp đó hưởng 100%. Riêng các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

*2. Sửa đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông được quy định tại điểm I, mục L, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh:*

- Đối với các khoản thu phạt do lực lượng cơ quan, đơn vị trung ương thực hiện gồm: Công an (trừ Công an xã), Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển và các lực lượng có thẩm quyền xử phạt của Bộ Giao thông vận tải (Chánh thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục đường thủy nội địa Việt Nam và các đơn vị trực thuộc Cục đường thủy nội địa Việt Nam (Cảng vụ đường thủy nội địa, Chi Cục đường thủy nội)) và các lực lượng xử phạt thuộc trung ương khác (nếu có) xử lý: Ngân sách trung ương hưởng 100%.

- Đối với các khoản thu phạt do các lực lượng ở địa phương xử phạt gồm: Công an xã, Thanh tra thuộc Sở Giao thông vận tải, Thanh tra thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan cảng vụ thuộc địa phương và các lực lượng xử phạt thuộc địa phương khác (nếu có) xử lý: Cấp nào thực hiện cấp đó hưởng 100%.

Do vậy cần sửa đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông được quy định tại điểm I, mục L, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh để phù hợp với Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ

 **V. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh.**

Dự kiến sẻ điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ 02 loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh, bao gồm:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

 - Lệ phí đăng ký kinh doanh.

**VI. Nghị quyết về Danh mục công trình dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2018.**

Thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2018:

- Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh, dự kiến có 1.379 công trình, dự án, với tổng diện tích 2.056,16 ha.

- Danh mục các công trình dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018 trên địa bàn tỉnh, dự kiến 651 công trình, dự án, với tổng diện tích 877,78 ha

**VII. Nghị quyết về Phát triển giáo dục đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.**

 **1. Sự cần thiết ban hành Đề án.**

 Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh (khóa XVI) về phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2015 và những năm tiếp theo” sự nghiệp giáo dục đào tạo Hà Tĩnh đã có nhiều chuyển biến và thu được kết quả đáng ghi nhận. Bên cạnh kết quả đạt được còn có một số hạn chế, yếu kém cần khắc phục, một số chỉ tiêu Nghị quyết đưa ra chưa đạt hoặc chưa thực hiện; giáo dục và đào tạo vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, bất cập, chưa tương xứng với tiềm năng và truyền thống hiếu học của quê hương, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Hạn chế, yếu kém đó do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do những chỉ tiêu, giải pháp đưa ra chưa đầy đủ, chưa sát thực tế và chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

 Trước yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những khó khăn, bất cập của giáo dục trong việc thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND; phù hợp tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, tạo bước phát triển đột phá về cơ cấu và quy mô giáo dục, đảm bảo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, cần phải xây dựng Đề án phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

 **2. Mục tiêu:**

 *2.1. Mục tiêu tổng quát:*Đến năm 2035, giáo dục Hà Tĩnh được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: Giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng yêu cầu của công dân toàn cầu và nhu cầu xã hội; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

*2.2. Các mục tiêu cụ thể:*

 - Đến năm 2025:

 + Tỷ lệ huy động: Trẻ nhà trẻ 40%; trẻ mẫu giáo 95%, trong đó 5 tuổi 100%; 100% học sinh trong độ tuổi tiểu học và THCS được đi học đúng độ tuổi; 85% học sinh tốt nghiệp THCS được học tiếp THPT; 15% học sinh tốt nghiệp THCS học nghề;

 + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; củng cố và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

 + 100% trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT đạt chuẩn quốc gia; 100 % trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

 + Mỗi địa phương cấp huyện xây dựng một cơ sở giáo dục công lập của từng cấp học, bậc học có điều kiện dạy học tiên tiến, chất lượng giáo dục cao.

- Đến năm 2035: Củng cố và nâng cao chất lượng kết quả đạt được.

 **3. Các giải pháp:**

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức về giáo dục của toàn xã hội; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ nhà giáo

 - Tiếp tục thực hiện quy hoạch hệ thống trường mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu học tập của các tầng lớp nhân dân và nâng cao chất lượng giáo dục

 - Sắp xếp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất – thiết bị đảm bảo tốt yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học

- Tích cực đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Ứng dụng CNTT trong quản lý và đổi mới phương pháp dạy học

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục

- Thực hiện tốt chính sách xã hội trong giáo dục - đào tạo

 **VIII. Nghị quyết về Phát triển du lịch Hà Tĩnh đến 2020, định hướng 2025 và những năm tiếp theo**

**1. Mục tiêu:**

Xác định phát triển du lịch là nhiệm vụ trọng tâm đột phá trong phát triển KT – XH để các cấp, các ngànhtập trung lãnh đạo chỉ đạo,dựa trên thế mạnh của địa phương, đưa du lịch Hà Tĩnh thành ngành kinh tế quan trọng vào năm 2020 và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2025; huy động mọi nguồn nhân lực xã hội, trong nước và ngoài nước để phát triển các khu, điểm du lịch có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đảm bảo đồng bộ, hiện đại, có tính chuyên nghiệp; phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, thân thiện với môi trường, bền vững, có thương hiệu; đảm bảo sự tăng trưởng liên tục số lượng khách duc lịch và doanh thu hàng năm góp phần tăng dần tỷ trọng thu nhập du lịch trong cơ cấu GDP của tỉnh. Đưa Hà Tĩnh trở thành điểm đến hấp dẫn trong khu vực Bắc Trung bộ.

**2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025**

- Lượt khách tham quan du lịch: Thu hút 10,3 triệu lượt khách.

- Lượt khách lưu trú du lịch: Thu hút 3,7 triệu lượt khách, trong đó khoảng 500 ngàn lượt khách quốc tế và 3,2 triệu lượt khách nội địa; tăng trưởng khách quốc tế là 11,6%/năm, nội địa 5,65%/năm.

- Tổng doanh thu xã hội về du lịch: đạt khoảng 11.500 tỷ đồng.

- Công ty lữ hành: 50 đơn vị, trong đó có 20 đơn vị lữ hành quốc tế.

- Lao động trong lĩnh vực du lịch: 20.000 người.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho trên 60% tổng lao động trong lĩnh vực du lịch.

- Cơ sở lưu trú: 500 cơ sở, trên 10.000 buồng.

- Khu, điểm du lịch: 30 khu, điểm, trong đó 15 khu, điểm đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**3. Các giải pháp chủ yếu:**

*3.1. Nhiệm vụ và giải pháp đến năm 2025*

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch.

- Mở rộng thị trường du lịch, phát triển sản phẩm, tuyến du lịch.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực du lịch.

- Xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Liên kết phát triển du lịch, hợp tác quốc tế.

*3.2. Định hướng nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2021-2025:* Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2017-2020 và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp như giai đoạn 2017 - 2020.

 **IX. Nghị quyết về Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và những năm tiếp theo.**

 **1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án:**

- Nghị quyết 162/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ còn hiệu lực trong năm 2017.

- Để phát triển lĩnh vực thể thao thành tích cao tỉnh nhà ổn định, bền vững;

**2. Mục tiêu:**

- Phấn đấu đến năm 2020 thể thao thành tích cao Hà Tĩnh ở trong tốp 20 - 25 tỉnh, thành, ngành có phong trào thể thao mạnh đứng đầu cả nước đến năm 2025 đứng trong tốp 20 tỉnh, thành, ngành.

- Mục tiêu trước mắt: Phấn đấu đạt thứ hạng từ 22 - 25 tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VIII - 2018 với 8 - 12 huy chương vàng.

- Mục tiêu dài hạn

- Đạt 12-15 huy chương vàng tại Đại hội Thể dục - thể thao toàn quốc lần thứ IX (tăng 2 -3 HCV so với Đại hội Thể dục thể thao lần thứ VIII), xếp thứ 18 - 20 toàn quốc.

- Có ít nhất 3 -5 vận động viên và 01 huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia dự Đại hội Thể thao Đông Nam Á SEA Games 30, Có ít nhất 5 -8 vận động viên và 02 huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia dự Đại hội Thể thao Đông Nam Á SEA Games 31.

- Có ít nhất 02 vận động viên, 01 huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia dự Đại hội Thể thao châu Á ASIAD 2018.

- Có ít nhất 01 vận động viên tham dự Olympic 2020.

- Có vận động viên tham gia các giải Vô địch thế giới hàng năm.

**3. Nhiệm vụ:** có 5 nhiệm vụ chính

- Ưu tiên phát triển các môn thể thao trọng điểm: như Karatedo, Wushu, Pencat Silat, Vovinam, Điền kinh, Đua thuyền.

- Xác định địa bàn đầu tư trọng điểm các tuyến nghiệp dư cơ sở

- Phát triển đẳng cấp thể thao các môn:

+ Giai đoạn 2018 – 2020: 20- 25 vận động viên kiện tướng.

+ Giai đoạn 2021 – 2025: 25 - 35 vận động viên kiện tướng

- Phát triển nguồn nhân lực: huấn luyện viên, trọng tài, vận động viên.

- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ tập luyện và thi đấu:

**4. Giải pháp:** có 5 giải pháp chủ yếu

- Hoàn thiện hệ thống quản lý, tổ chức đào tạo.

- Củng cố, phát triển các nguồn lực

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, tăng nhanh cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ công tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao

- Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

- Xã hội hóa thể thao thành tích cao

**5. Chế độ chính sách:** có 4 chế độ chính sách chính

- Chế độ tiền công, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trợ cấp

- Chế độ dinh dưỡng

- Chế độ hỗ trợ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên

- Chế độ khen thưởng

**6. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án:**

- Hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách, ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện chính sách.

- Huy động nguồn xã hội hóa từ các nhà đầu tư, nhà tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**X. Nghị quyết quy định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và xử lý vi phạm hành chính.**

**1. Đối tượng áp dụng:** Các cơ quan, đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**2. Nội dung:**

*2.1. Quy định mức phân bổ kinh phí đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luât, bao gồm:*

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung

*2.2. Nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính*

 **XI. Nghị quyết về Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.**

 ***1. Nội dung Quy hoạch:***

Đánh giá tổng quan về các điền kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội liên quan đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh; đánh giá về hiện trạng đa dạng sinh học, hiện trạng quản lý đa dạng sinh học và các phương pháp bảo tồn chuyển chỗ, bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho địa phương đồng thời dự báo về diễn biến đa dạng sinh học của địa phương và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch.

 Trên cơ sở các đánh giá tổng quan sẽ lập quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 bao gồm các nội dung:

 **2. Mục tiêu:**

 Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên ĐDSH về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị ĐDSH; có những đóng góp thiết thực vào công tác bảo tồn và phát triển ĐDSH cho quốc gia và khu vực

 **3. Nội dung quy hoạch:**

 - Quy hoạch hành lang bảo tồn đa dạng sinh học

 - Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái đặc thù

 - Quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn

 **4. Các giải pháp:**

- Giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Giải pháp về khoa học công nghệ

- Giải pháp về vốn thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về hợp tác quốc tế

 **XII. Nghị quyết về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.**

**1. Sự cần thiết xây dựng Đề án:**

Nhằm huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác BVMT, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa; góp phần vào quá trình phát triển kinh tế nhanh và bền vững hoàn thành mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra.

**2. Quan điểm:** Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đây vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là nhiệm vụ lâu dài, là nền tảng đảm bảo cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững. Bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hoà với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, lấy phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch; lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

**3. Mục tiêu:** Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong công tác bảo vệ môi trường; Chủ động giám sát, kiểm soát chất lượng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh; Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với môi trường trong mỗi người dân; huy động sự tham gia tích cực của nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

**4. Nhiệm vụ và giải pháp:**

- Nhiệm vụ và giải pháp chung về chủ trương, chính sách, về tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, về nâng cao năng lực quản lý, về đầu tư kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, về công nghệ môi trường, về tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động BVMT và hợp tác quốc tế về BVMT.

- Những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể trên các lĩnh vực bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực đô thị, khu vực nông nghiệp và nông thôn và phòng ngừa, ứng phó thiên tai và sự cố môi trường.

**5. Một số chính sách về bảo vệ môi trường:** Chính sách hỗ trợ các hợp tác xã môi trường; Chính sách hỗ trợ phân loại rác tại nguồn đối với thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh; Chính sách đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải đô thị tập trung.

 **XIII. Nghị quyết về chính sách khuyến khích đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách thưởng đổi với nguồn nhân lực tại chỗ.**

 **1. Mục tiêu xây dựng Đề án**

 Xây dựng một số một chính sách chung về khuyến khích phát triển nguồn nhân lực trình độ cao của tỉnh Hà Tĩnh, góp phần khắc phục những tồn tại hạn chế trong quá trình thực hiện các chính sách về khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực trình độ cao từ năm 2011 đến nay, từ đó góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Tĩnh có quy mô, cơ cấu, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

**2. Định hướng xây dựng Đề án**

Trên cơ sở rà soát các số liệu về kết quả thực hiện chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, Đề án tập trung xây dựng chính sách chung, đặc thù của tỉnh trong khuyến khích đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chính sách thưởng đối với nguôn nhân lực chất lượng cao theo hương nâng định mức hỗ trợ cho các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách này so với các quy định trước đây; các nội dung liên quan đến bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, chính sách hỗ trợ dành cho các đối tượng này sẽ thực hiện theo các quy định của Trung ương (hướng dẫn của Bộ Tài chính).

**3. Hiệu quả của Đề án**

Việc xây dựng, ban hành, áp dụng chính sách này sẽ nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên sâu, tập trung vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút các chuyên gia đầu ngành, những người có học hàm, học vị cao là các giáo sư, tiến sĩ về công tác lâu dài tại tỉnh; tập trung vào những lĩnh vực tỉnh cần khuyến khích đào tạo, nâng cao trình độ, không thực hiện dàn trải về đối tượng, nâng mức hỗ trợ thu hút để chính sách tăng khả năng thực thi trên thực tế, tạo được sự tin tưởng, phấn khởi, yên tâm cho các đối tượng được đào tạo, thu hút.

Khuyến khích đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là giải pháp quan trọng để kiện toàn đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức. Chính sách này thể hiện sự quan tâm, tạo điều kiện của các cấp, các ngành trong việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ cho nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh.

 **XIV. Nghị quyết Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.**

**1. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết**

Theo quy định tại *Điều 9, Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 quy định nội dung và định mức hỗ trợ do UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành*. Mặt khác việc xây dựng Nghị quyết để tạo ra một cơ chế hỗ trợ về nguồn vốn đối với công tác chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, nhằm giảm bớt gánh nặng cho người dân trong việc đóng góp kinh phí thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nhưng vẫn đảm bảo tiêu chí có sự đóng góp của người dân, thể hiện tinh thần trách nhiệm của người dân trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc xây dựng Nghị quyết là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đúng thẩm quyền.

**2. Mục đích**

Nhằm tạo ra cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**3. Về nội dung, định mức hỗ trợ**

Theo quy định tại Nghị định 161/2016/NĐ-CP thì các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân, nên ngoài công tác khảo sát xây dựng và công tác lập hồ sơ xây dựng phải thuê các tổ chức có năng lực thì công tác quản lý thực hiện dự án chủ yếu sử dụng bộ máy của xã và sự tham gia của cộng đồng để thực hiện nên trong quá trình thực hiện dự án chủ yếu chỉ phát sinh các công việc sau: Công tác khảo sát xây dựng (nếu cần thiết); công tác lập hồ sơ xây dựng công trình; công tác quản lý thực hiện dự án (bao gồm cả quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng). Vì vậy Nghị quyết chỉ xây dựng định mức hỗ trợ tối đa cho 4 khoản mục chi phí dựa trên sự tính toán của Sở Xây dựng và đã được các Sở ngành thống nhất, cụ thể.

**a) Chi phí chuẩn bị đầu tư:**

- Khảo sát xây dựng (*bao gồm khảo sát địa hình; địa chất; thủy văn*): Bằng 70% theo khối lượng thực tế và đơn giá hiện hành của tỉnh.

 - Lập hồ sơ xây dựng công trình: (*bao gồm Báo cáo thuyết minh dự án; Thiết kế bản vẽ thi công bao gồm cả thiết kế định hình và thiết kế điều chỉnh, bổ sung (nếu có); Dự toán xây dựng công trình):* Bằng 35% theo định mức hiện hành của Bộ Xây dựng nhưng tối thiểu không nhỏ hơn 2.000.00 đồng.

 **b) Chi phí quản lý thực hiện dự án:**

 - Chi phí quản lý dự án *(bao gồm tổ chức lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng; quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động; Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình):* Bằng 40% theo định mức hiện hành của Bộ Xây dựng.

 - Chi phí Giám sát thi công *(bao gồm tư vấn giám sát và giám sát cộng đồng):* Bằng 60% theo định mức hiện hành của Bộ Xây dựng./.

 **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**